TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Trần Xuân Văn
2. Bà: Nguyễn Thị Vòng
- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST- KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số 27/2018/QĐST-KDTM ngày 11/9/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2018/QĐST-KDTM ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V); Địa chỉ: 89 LH, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền hiện tại: Ông Trần Đình L – Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 4, 112 PCT, quận HC, thành phố Đà Nẵng. (Được ủy quyền theo Văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 từ ông Ngô Chí D và Văn bản ủy quyền số 316/2018/UQ-VPB ngày 26/2/2018 từ ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SEM và cá nhân). Ông L có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ Q. Địa chỉ: 70 NVC, phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc Q – Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm giám đốc; vắng mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Ngọc Q, sinh năm: 1983, TT: Thôn 9, xã L, TP. ĐH, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần V trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số: 230916-3090011-01-SME ngày 27/09/2016 (kèm theo khế ước nhận nợ số: 270916-3090011-01-SME ngày 27/09/2016), Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q vay vốn

của V với tổng số tiền là 150.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay: thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ T H để bổ sung vốn đầu tư xây dựng nhà xe, kho bãi cho trụ sở của bên vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 22,85%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1lần, theo lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 14%/năm. Nếu bên vay vi phạm về cam kết chuyển doanh thu theo quy định tại điểm g, khoản 2 điều 9 của Hợp đồng tín dụng bên ngân hàng có quyền tăng biên độ điều chỉnh lãi suất lên 14,5%/ năm. Trả gốc: 1 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/10/2016, trả lãi: 1 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/10/2016. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo hợp đồng Bảo lãnh số: 230916 – 3090011-01-SME/HĐBL ký ngày 27/09/2016 tại Quảng Bình: Ông Bùi Ngọc Q đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Q trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 230916-309011-01-SME ngày 17/09/2016 và các khế ước nhận nợ khác ký giữa Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q và Ngân hàng V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V theo quy định tại các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết, nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/4/2017 với mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận. Tính đến ngày 02/11/2018, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q còn nợ V tổng số tiền: 182.062.348đ (Trong đó: nợ gốc 124.998.000đ, nợ lãi trong hạn 6.516.539đ, nợ lãi quá hạn: 50.547.809đ).

Vì vậy, để thu hồi nợ vay nói trên, V khởi kiện yêu cầu: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q thanh toán cho V số tiền 182.062.348đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến ngày Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q thực tế thanh toán hết nợ cho V. Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V, Đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Ngọc Q có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty THHH thương mại dịch vụ Q theo các hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo lãnh đã ký với V.

* Bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc Q vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Q đã có lời khai tại Bản tự khai ngày 07/8/2018 thừa nhận năm 2016 ông Q đã đại diện cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q ký Hợp đồng vay tại Ngân hàng V Quảng Bình với số tiền 150.000.000đ và đã trả 25.000.000đ, còn nợ lại 125.000.000đ. Do công ty làm ăn thua lỗ, có khả năng phá sản, dẫn đến việc chậm trả. Nay Ngân hàng có yêu cầu trả, vì không đủ khả năng nên ông xin trả số tiền gốc là 125.000.000đ, xin ngân hàng miễn khoản tiền lãi cho ông. Số tiền gốc: ông xin ngân hàng được trả dần theo từng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu từ tháng 9/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn V trình bày yêu cầu khởi kiện và xin rút 1 phần yêu cầu đối với khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết (theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng). Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng các bên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có lập biên bản) mặc dù đã được giao nhận các văn bản tố tụng trực tiếp có ký nhận. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ngày 11/9/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 64/2018/QĐST- KDTM ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Ông Bùi Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-KDTM ngày 11/9/2018 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 05/10/2018 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Thấy cần thu thập thêm chứng cứ nên HĐXX đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2018/QĐST-KDTM có ấn định thời gian tiếp tục xét xử vào ngày 02/11/2018. Nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo trình bày và thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q đã ký vay nợ tại Ngân hàng V, theo Hợp đồng tín dụng số: 230916-3090011-01-SME ngày 27/09/2016 (kèm theo khế ước nhận nợ số: 270916-3090011-01-SME ngày 27/09/2016), với tổng số tiền là 150.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 22,85%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1lần, theo lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 14%/năm. Nếu bên vay vi phạm về cam kết chuyển doanh thu theo quy định tại điểm g, khoản 2 điều 9 của Hợp đồng tín dụng bên ngân hàng có quyền tăng biên độ điều chỉnh lãi suất lên 14,5%/ năm. Trả gốc: 1 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/10/2016, trả lãi: 1 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/10/2016. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của công ty, ông Bùi Ngọc Q đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy

ngang cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q với bên ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.1] Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo thừa nhận của các bên thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến tháng 4/2017 vì điều kiện kinh tế của Công ty giảm sút nên mất khả năng trả nợ. Các bên khai thống nhất số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 25.000.000đ. Kể từ ngày 25/4/2017 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên toàn bộ số nợ vay của bị đơn thuộc trường hợp nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu đối với các tổ chức tín dụng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo điểm 2 Điều 4 của Hợp đồng ký kết có nội dung "Các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và/hoặc kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay nêu tại khoản 2 của Hợp đồng". Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 02/11/2018 tổng số tiền bị đơn chưa trả cho V là: 182.062.348đ (Trong đó: nợ gốc 124.998.000đ, nợ lãi trong hạn 6.516.539đ, nợ lãi quá hạn: 50.547.809đ). V yêu cầu bị đơn trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ. Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V, đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Ngọc Q có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q theo các hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo lãnh đã ký với V là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu rút một phần khởi kiện là khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 122; 124, 361, 369, 388, 389, 401, 402, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự (2005);

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V).

1.1. Buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 02/11/2018 là: 182.062.348đ (một trăm tám mươi hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng) (Trong đó: nợ gốc 124.998.000đ, nợ lãi trong hạn 6.516.539đ, nợ lãi quá hạn: 50.547.809đ).

1.2. Từ ngày 03/11/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 230916-3090011-01-SME ngày 27/09/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.3.Trường hợp Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q không trả hết số nợ gốc và khoản lãi phát sinh cho ngân hàng thì bên bảo lãnh ông Bùi Ngọc Q phải dùng tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q với Ngân hàng TMCP V (V) theo Hợp đồng tín dụng số: 230916-3090011-01-SME ký ngày 27/09/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số: 230916 – 3090011-01-SME/HĐBL ký ngày 27/09/2016

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng.

3. Án phí:

3.1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 9.103.000 đồng.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.992.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000470 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *VKSND TP. Đồng Hới;*
- *Chi cục THADS TP. Đồng Hới;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**